

Bản án số: 47/2022/HNGĐ- ST  
Ngày: 13/5/2022  
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đoàn Lệ Hồng
2. Ông Phạm Văn Nam

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa:

**1. Nguyên đơn:** Chị Bùi Kim M, sinh năm 1991

Nơi cư trú: khóm M, ấp M, thành phố X, tỉnh An Giang.

**2. Bị đơn:** Anh Phan Minh N, sinh năm 1991

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị M và anh N có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2022, trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Bùi Kim M trình bày:* Chị và anh N do quen biết vợ chồng tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre ngày 09/12/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2022, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh N và mẹ anh đánh chị dẫn đến mờ mắt và đuổi chị ra khỏi nhà nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 01 con chung tên Phan Minh Đ, sinh ngày 21/7/2018. Hiện cháu Đạt đang sống chung với cha từ khi 02 vợ chồng ly thân. Chị yêu cầu sau khi ly hôn chị được quyền nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với số vàng mà chị yêu cầu anh N trả lại nay chị xin rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có

*Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa anh Phan Minh N trình bày:* Anh thống nhất với chị M về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiền đến hôn nhân cũng như con chung, và nợ chung. Nay chị M xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con. Anh thừa nhận anh có đánh vào mặt và mắt của chị M nhưng vì hôm đó chị M và mẹ anh có xảy ra mâu thuẫn nên anh xót mẹ anh nên anh đã lỡ tay đánh chị M.

Trường hợp có căn cứ cho ly hôn: anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có

Về nợ chung: không có

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:*

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh N cụ thể:

- + Về hôn nhân: chị M và anh N được ly hôn với nhau.
- + Về con chung: Sau khi ly hôn anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.
- + Về tài sản chung: chị M và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.
- + Về nợ chung: không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về tố tụng:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2021 của chị Bùi Kim M đối với anh Phan Minh N thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Phan Minh N có nơi cư trú tại xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Bùi Kim M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 và khoản 2 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết một phần vụ án về việc yêu cầu chia tài sản chung.

### ***[2] Về nội dung tranh chấp:***

2.1 Về hôn nhân: chị Bùi Kim M và anh Phan Minh N tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2016 và đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2016 tại UBND xã An Thạnh, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh N và mẹ anh đánh chị dẫn đến mờ mắt và đuổi chị ra khỏi nhà, anh N cũng thừa nhận là có đánh chị M. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của anh chị là có thật nhưng anh chị không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ mà để cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Kim M đối với anh Phan Minh N là đúng quy định pháp luật.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Bùi Kim M và anh Phan Minh N có 01 con chung tên Phan Minh Đ, sinh ngày 21/7/2018 chị M và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: anh N và chị M đều có điều kiện để nuôi con nhưng cháu Đ từ nhỏ đã sống cùng anh N, chị M và cha mẹ anh N nên đã quen với nếp sống của gia đình anh N. Đồng thời, từ khi ly thân đến nay chị M cũng không có về thăm cháu Đ nhưng cháu Đ vẫn phát triển tốt. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu Đ không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu Đ cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do anh N không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: chị M và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: chị M và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

### ***[3] Về án phí:***

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Bùi Kim M có nghĩa vụ nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 và khoản 2 Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **Tuyên xử:**

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Kim M về việc yêu cầu chia tài sản chung.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Kim M đối với anh Phan Minh N, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Bùi Kim M và anh Phan Minh N được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn anh Phan Minh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Minh Đ, sinh ngày 21/7/2018, chị Bùi Kim M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: chị M và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị M và anh N khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Bùi Kim M có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005766 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Hoàn trả cho chị Bùi Kim M số tiền tạm ứng án phí là 400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005767 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

*“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã An Thạnh;
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Diễm**